

ỦY BAN THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI
Số: Số: 18/LCT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 1961

PHÁP LỆNH

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ TỔ CHỨC CỦA TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO VÀ TỔ CHỨC CỦA CÁC TOÀ ÁN NHÂN DÂN ĐỊA PHƯƠNG

Căn cứ vào Điều 98 của Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hoà và Luật tổ chức Toà án nhân dân ngày 14 tháng 7 năm 1960;

Để kiện toàn Toà án nhân dân các cấp, tăng cường tính chất nhân dân của tổ chức Toà án nhân dân và bảo đảm cho việc xét xử được chính xác và đúng pháp luật;

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định cụ thể về tổ chức của Toà án nhân dân tối cao và tổ chức của các Toà án nhân dân địa phương.

CHƯƠNG I

TỔ CHỨC CỦA TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Điều 1

Toà án nhân dân tối cao gồm có Chánh án, một hoặc nhiều Phó chánh án, các thẩm phán và thẩm phán dự khuyết.

Toà án nhân dân tối cao có những tổ chức sau đây:

- Ủy ban thẩm phán Toà án nhân dân tối cao;
- Các Toà chuyên trách của Toà án nhân dân tối cao;
- Các Toà hình sự, Toà dân sự và Toà quân sự;
- Toà phúc thẩm của Toà án nhân dân tối cao;
- Hội đồng toàn thể thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

Điều 2

Ủy ban thẩm phán Toà án nhân dân tối cao (1) có nhiệm vụ:

- a) Xét những vụ án quan trọng hoặc phức tạp;
- b) Xét các kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao hoặc của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đối với những bản án hoặc những quyết định của các Tòa chuyên trách và Tòa phúc thẩm của Tòa án nhân dân tối cao;
- c) Hướng dẫn các Tòa án áp dụng pháp luật và đường lối, chính sách xét xử;
- d) Quyết định việc bố trí các thẩm phán trong các Tòa của Tòa án nhân dân tối cao;
- đ) Thảo luận những dự án luật, dự án pháp lệnh mà Tòa án nhân dân tối cao sẽ trình Quốc hội hoặc Ủy ban thường vụ Quốc hội; thảo luận những vấn đề pháp luật cần đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội giải thích;
- e) Tổng kết kinh nghiệm xét xử.

Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có từ chín đến mười một uỷ viên.

Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao họp ít nhất mỗi tháng hai lần và quyết định theo đa số.

Điều 3

Các Tòa hình sự và Tòa dân sự của Tòa án nhân dân tối cao có thẩm quyền:

- a) Sơ thẩm đồng thời là chung thẩm những vụ án do pháp luật quy định thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tối cao và những vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp dưới nhưng Tòa án nhân dân tối cao xét thấy cần lấy lên để xử;
- b) Phúc thẩm những bản án hoặc những quyết định sơ thẩm của các Tòa án nhân dân khu tự trị bị chống án hoặc bị kháng nghị;
- c) Xử lại những vụ án do Tòa mình hoặc Tòa phúc thẩm của Tòa án nhân dân tối cao đã xử mà bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật, nhưng Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao giao cho xử lại;

Xử lại những vụ án do Tòa án nhân dân cấp dưới đã xử mà bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật, nhưng Chánh án Tòa án nhân dân tối cao hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao kháng nghị.

Điều 4

Tòa phúc thẩm của Tòa án nhân dân tối cao có thẩm quyền:

- a) Phúc thẩm những bản án hoặc những quyết định sơ thẩm của các Tòa án nhân dân thành phố và tỉnh trực thuộc trung ương hoặc đơn vị hành chính tương đương bị chống án hoặc bị kháng nghị;
- b) Xử lại những vụ án do Tòa mình đã xử mà bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật, nhưng Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao giao cho xử lại.

Điều 5

Hội đồng toàn thể thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ duyệt lại những bản án tử hình của Tòa án nhân dân các cấp, căn cứ vào Điều 9 của Luật tổ chức Tòa án nhân dân.

Điều 6

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ:

- a) Báo cáo công tác của Tòa án nhân dân tối cao trước Quốc hội và Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- b) Chủ tọa các phiên họp của Ủy ban thẩm phán và Hội đồng toàn thể thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Chủ tọa phiên tòa của các Tòa chuyên trách và Tòa phúc thẩm của Tòa án nhân dân tối cao, nếu xét thấy cần thiết;

- c) Kháng nghị những bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân các cấp, nhưng phát hiện có sai lầm;
 - d) Tổ chức thống kê tư pháp toàn quốc;
 - đ) Tổ chức việc tổng kết và phổ biến kinh nghiệm xét xử;
 - e) Đôn đốc việc thi hành các nghị quyết của Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Đôn đốc việc thực hiện chương trình công tác toàn ngành;
- g) Điều hoà công việc giữa các Tòa, các Vụ và các bộ phận khác của Tòa án nhân dân tối cao;
 - h) Tổ chức việc kiểm tra công tác của các Tòa án nhân dân địa phương;
 - i) Chỉ định các thẩm phán xét xử tại các phiên tòa của các Tòa chuyên trách hoặc Tòa phúc thẩm của Tòa án nhân dân tối cao trong trường hợp các Tòa này thiếu

thẩm phán để mở phiên toà;

k) Chỉ đạo công tác nghiên cứu pháp luật và nghiên cứu đường lối, chính sách xét xử;

Chỉ đạo công tác xây dựng tổ chức tư pháp, công tác đào tạo và giáo dục cán bộ toà án và công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật trong nhân dân;

l) Bổ nhiệm và bãi miễn Chánh văn phòng, Phó văn phòng, Vụ trưởng, Phó vụ trưởng và những chức vụ tương đương trong tổ chức của Toà án nhân dân tối cao.

Các Phó chánh án Toà án nhân dân tối cao giúp Chánh án làm nhiệm vụ và có thể được uỷ nhiệm thay Chánh án khi Chánh án vắng mặt.

Điều 7

Các Toà chuyên trách và Toà phúc thẩm của Toà án nhân dân tối cao gồm có Chánh toà, Phó chánh toà và các thẩm phán.

Các Chánh toà của các Toà chuyên trách và Toà phúc thẩm của Toà án nhân dân tối cao có nhiệm vụ:

a) Điều khiển công tác của Toà;

b) Chỉ định các thẩm phán cho các phiên toà; chủ tọa phiên toà hoặc chỉ định một thẩm phán chủ tọa phiên toà;

c) Báo cáo công tác của Toà với Uỷ ban thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

Phó chánh toà giúp Chánh toà làm nhiệm vụ và có thể được uỷ nhiệm thay Chánh toà khi Chánh toà vắng mặt.

Điều 8

Tổ chức cụ thể của bộ máy làm việc và biên chế của Toà án nhân dân tối cao do Chánh án Toà án nhân dân tối cao định và trình Uỷ ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn.

CHƯƠNG II

TỔ CHỨC CỦA CÁC TOÀ ÁN NHÂN DÂN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 9

Toà án nhân dân thành phố và tỉnh trực thuộc trung ương hoặc đơn vị hành chính tương đương có thẩm quyền:

- a) Sơ thẩm những vụ án hình sự không thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố thuộc tỉnh, thị xã, huyện hoặc đơn vị hành chính tương đương và những vụ án hình sự thuộc thẩm quyền của các Tòa án đó, nhưng xét thấy quan trọng hoặc phức tạp, cần lấy lên để xử;
 - b) Sơ thẩm những vụ án dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố thuộc tỉnh, thị xã, huyện hoặc đơn vị hành chính tương đương, nhưng xét thấy quan trọng hoặc phức tạp, cần lấy lên để xử;
 - c) Phúc thẩm những bản án hoặc những quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố thuộc tỉnh, thị xã, huyện hoặc đơn vị hành chính tương đương bị chống án hoặc bị kháng nghị;
 - d) Xử lại những vụ án do Tòa án mình hoặc Tòa án cấp dưới đã xử mà bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật, nhưng Tòa án nhân dân tối cao giao cho xử lại.
- Toà án nhân dân thành phố và tỉnh trực thuộc trung ương hoặc đơn vị hành chính tương đương có nhiệm vụ xây dựng tổ chức tư pháp ở địa phương, huấn luyện thư ký toà án cho địa phương, huấn luyện cán bộ tư pháp cho thị trấn và xã, và tổ chức việc tuyên truyền giáo dục pháp luật trong nhân dân.

Điều 10

Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân thành phố và tỉnh trực thuộc trung ương hoặc đơn vị hành chính tương đương có nhiệm vụ:

- a) Xét những vụ án quan trọng hoặc phức tạp;
- b) Xét và báo cáo lên Tòa án nhân dân tối cao những vụ án do Tòa án mình hoặc Tòa án cấp dưới đã xử mà bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật, nhưng phát hiện có sai lầm;
- c) Hướng dẫn các Tòa án cấp dưới áp dụng pháp luật và đường lối, chính sách xét xử;
- d) Phân công cho các thẩm phán trong Tòa án;
- đ) Tổng kết kinh nghiệm xét xử.

Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân thành phố và tỉnh trực thuộc trung ương hoặc đơn vị hành chính tương đương họp ít nhất mỗi tháng hai lần và quyết định theo đa